

Số: 08 /2019/NQ-HĐND

Long An, ngày 18 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện
tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 2/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; Báo cáo thẩm tra số 341/BC-HĐND ngày 26/6/2019

của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập như sau:

1. Mức đóng góp tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập như sau:

a) Mức đóng góp tiền ăn hàng tháng đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ tiền ăn của học viên cai nghiện ma túy bắt buộc.

b) Mức đóng góp tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 2, Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2. Mức đóng góp chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường, như sau:

a) Đối tượng đóng góp

Các đối tượng (thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng) đóng góp 5% các mức đóng góp quy định tại điểm b, khoản này. Các đối tượng khác đóng góp 100% các mức đóng góp quy định tại điểm b, khoản này.

b) Mức đóng góp gồm:

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức đóng góp theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

3. Sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm.

4. Học văn hóa, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): Mức thu tùy thuộc vào ngành nghề đăng ký và chi phí thực tế từng thời điểm, đảm bảo thu đủ bù chi.

5. Điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 50.000 đồng/người/tháng.

7. Phục vụ, quản lý: 200.000 đồng/người/tháng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 18/7/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài Chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. (20)

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Rạnh